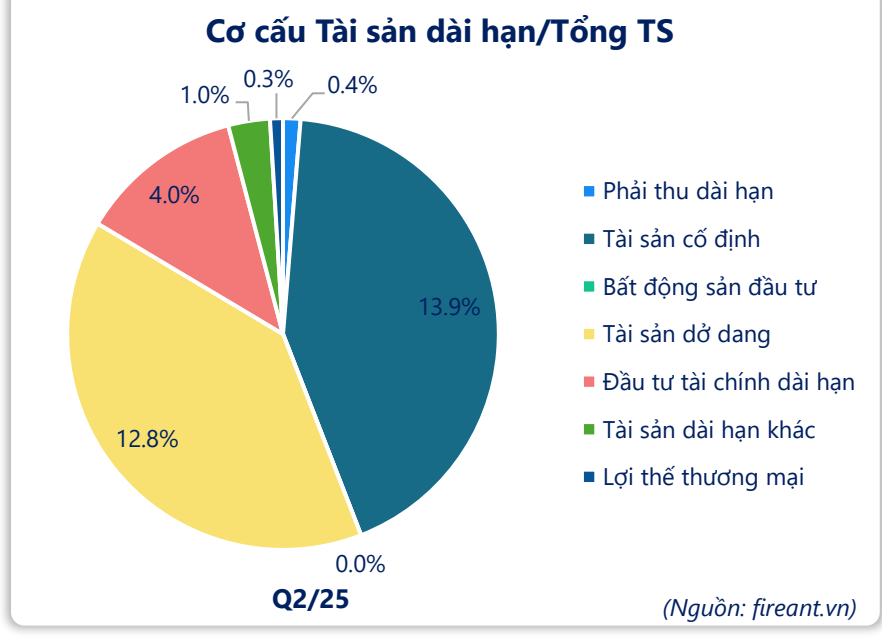
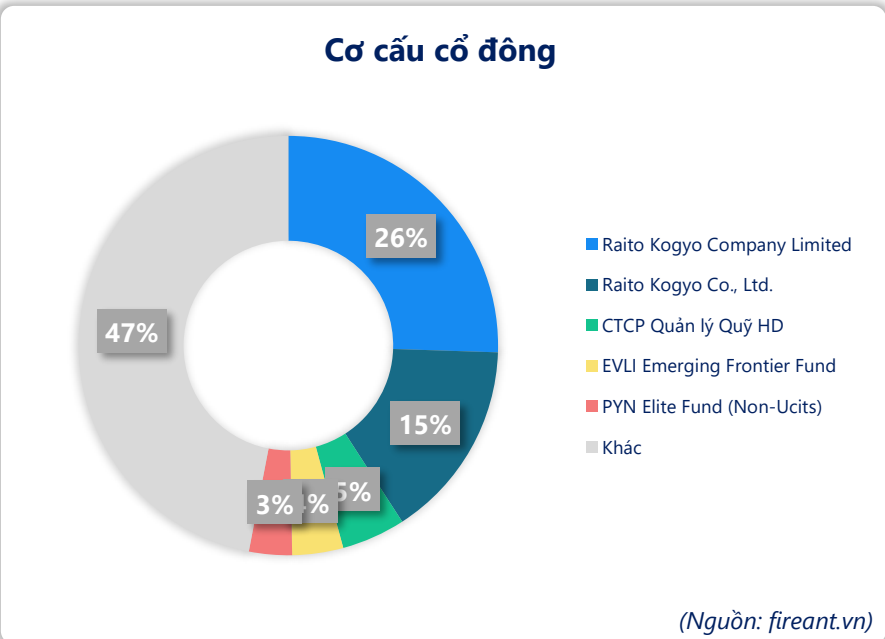
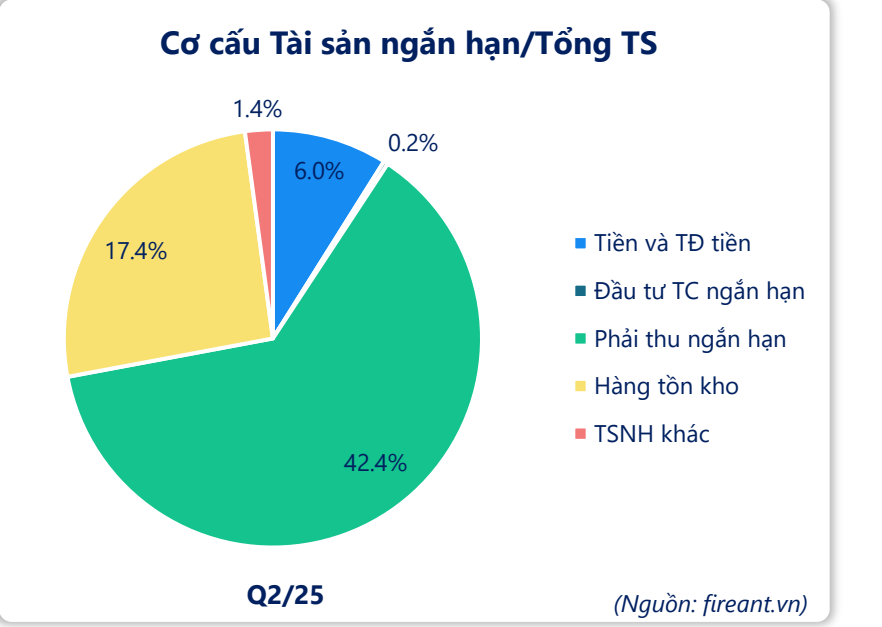
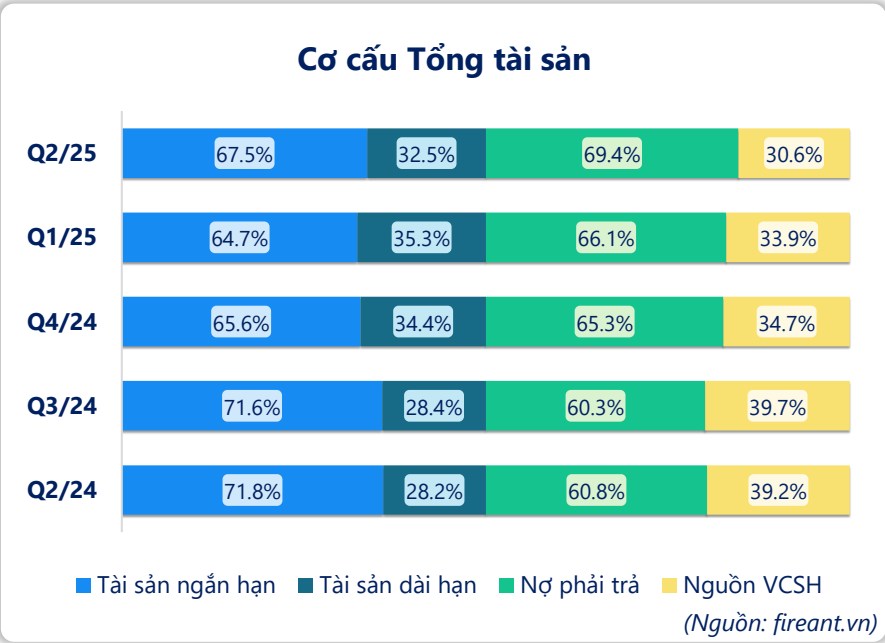
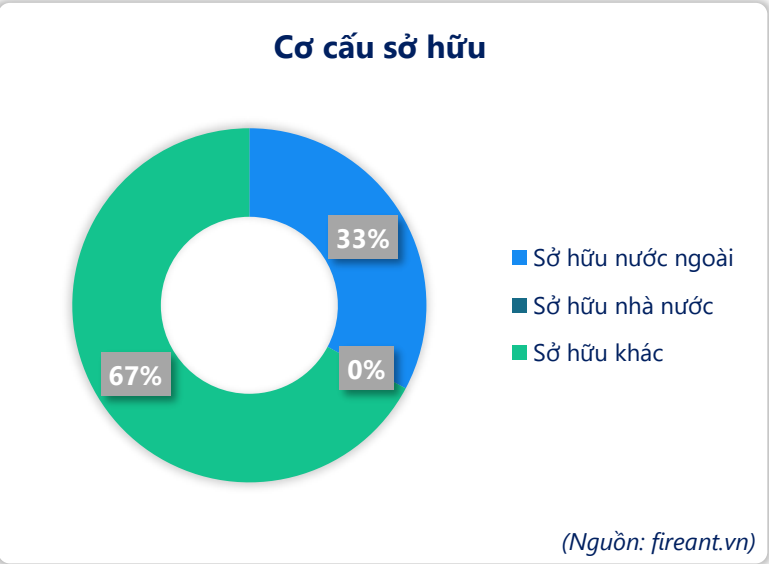
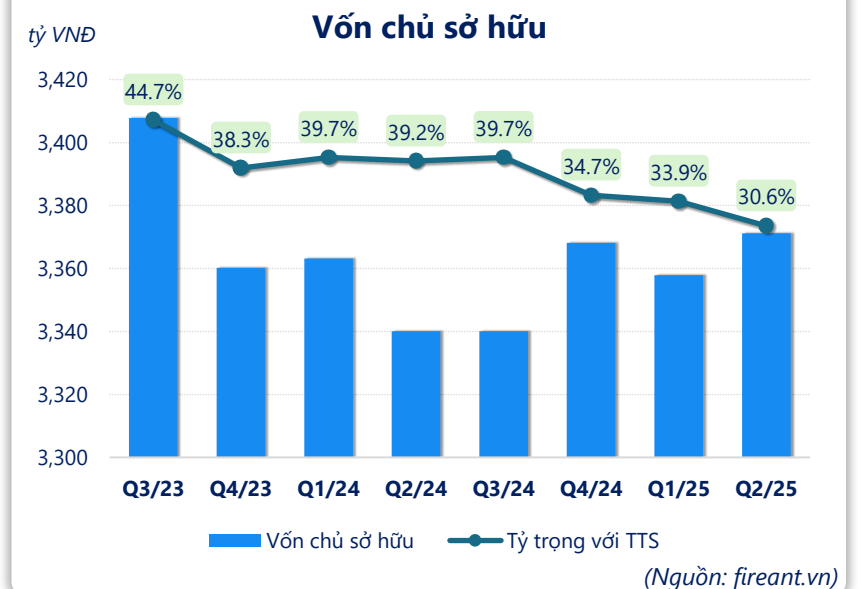
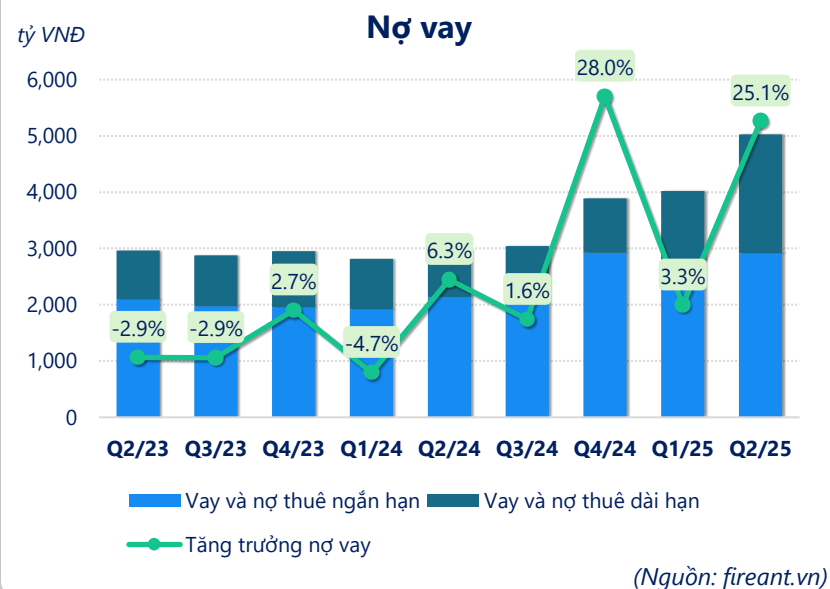
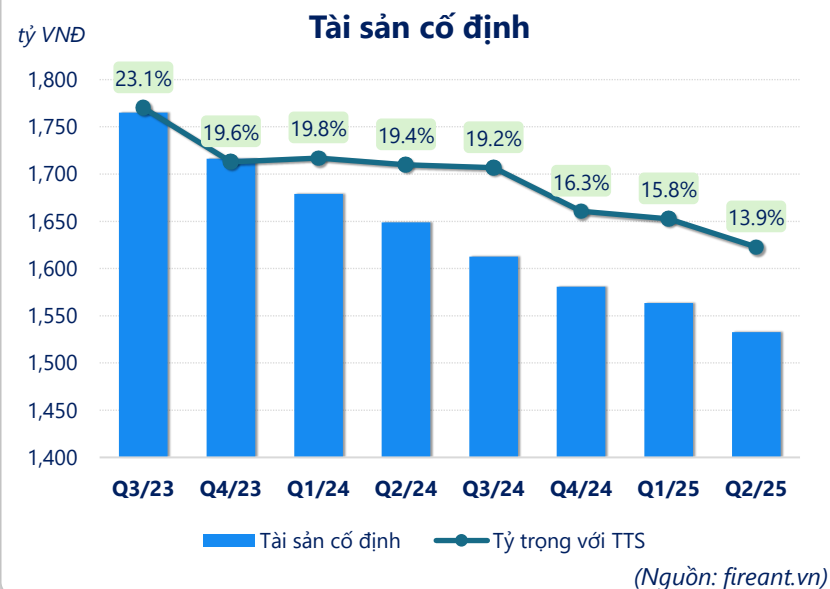
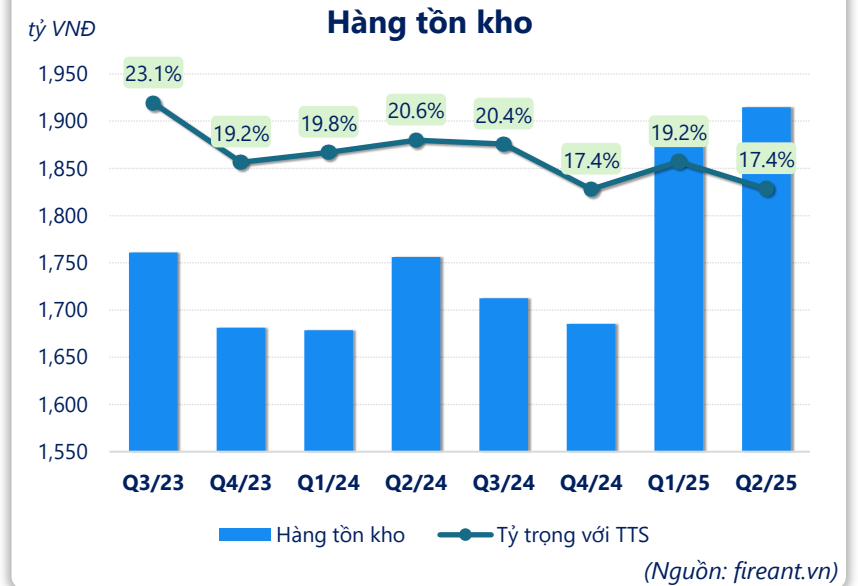
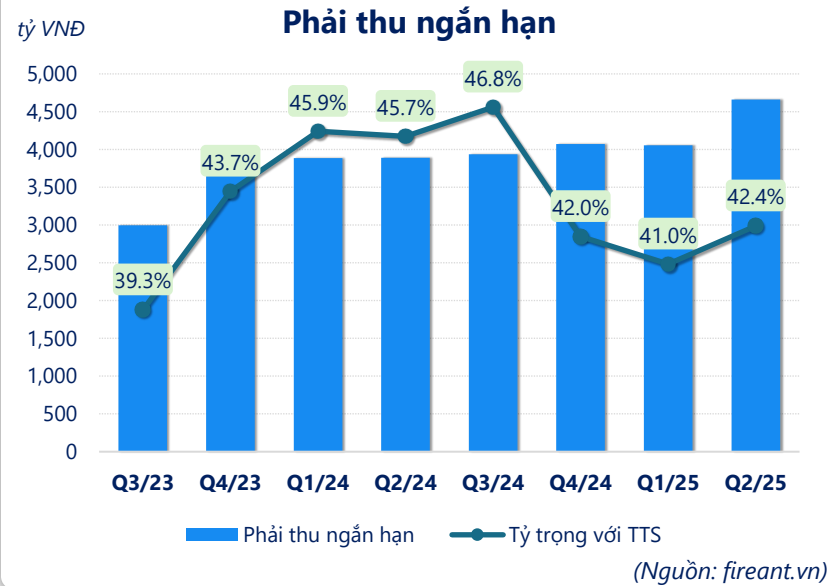
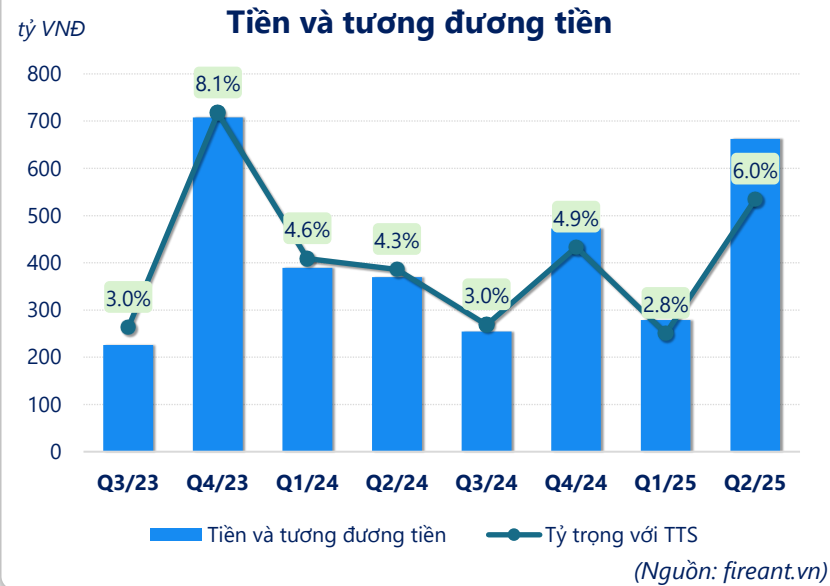
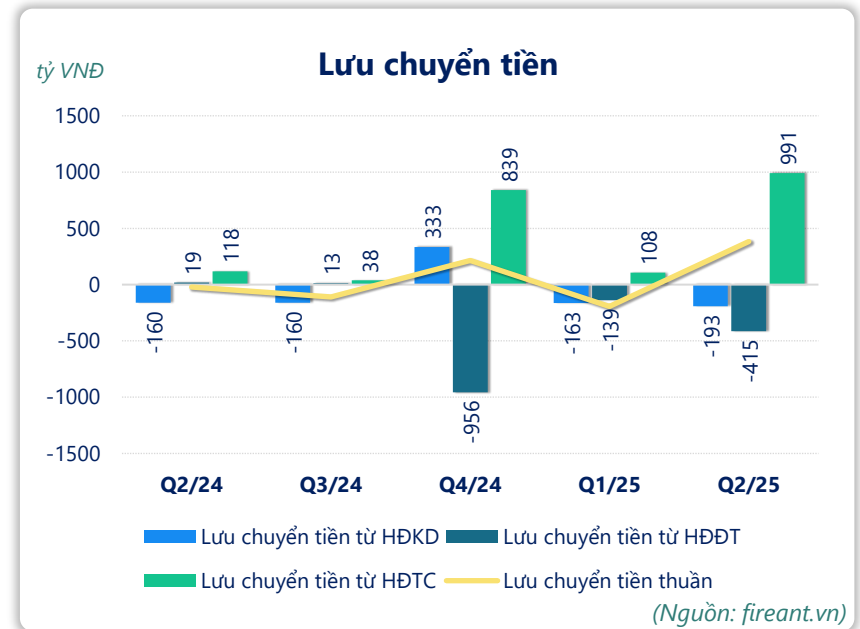
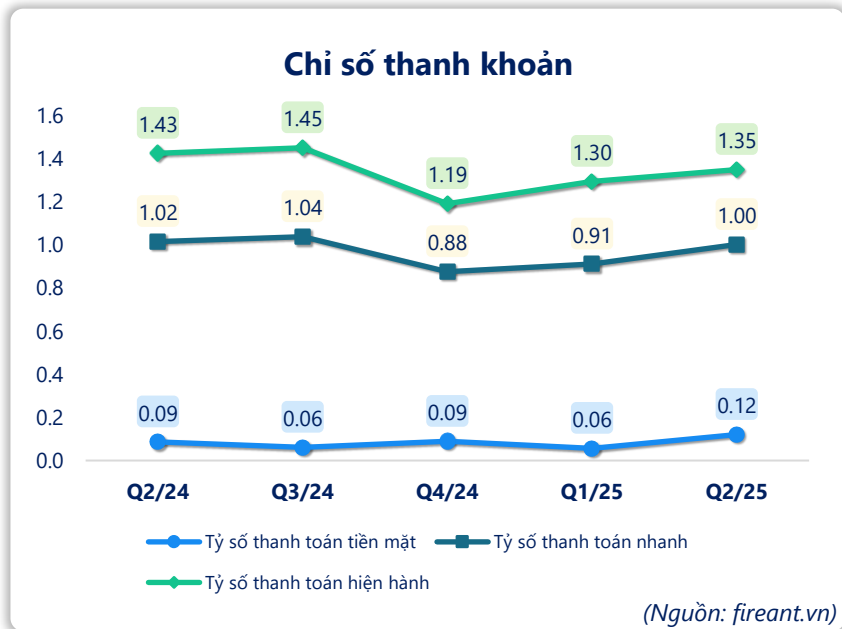
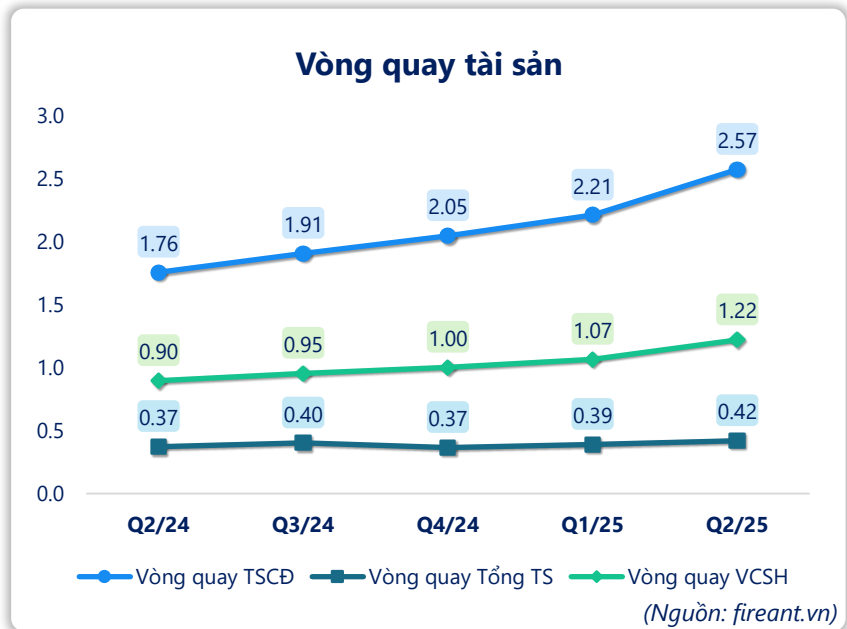
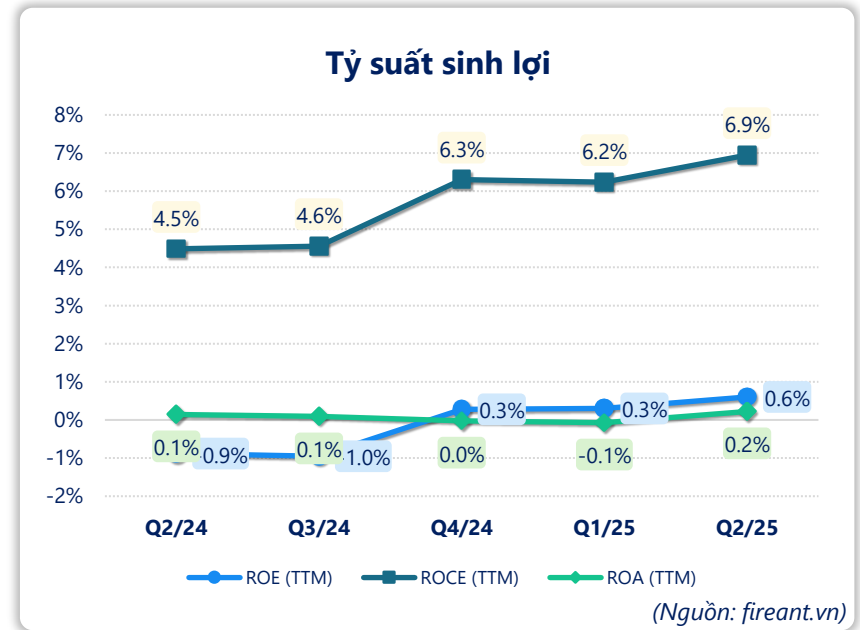
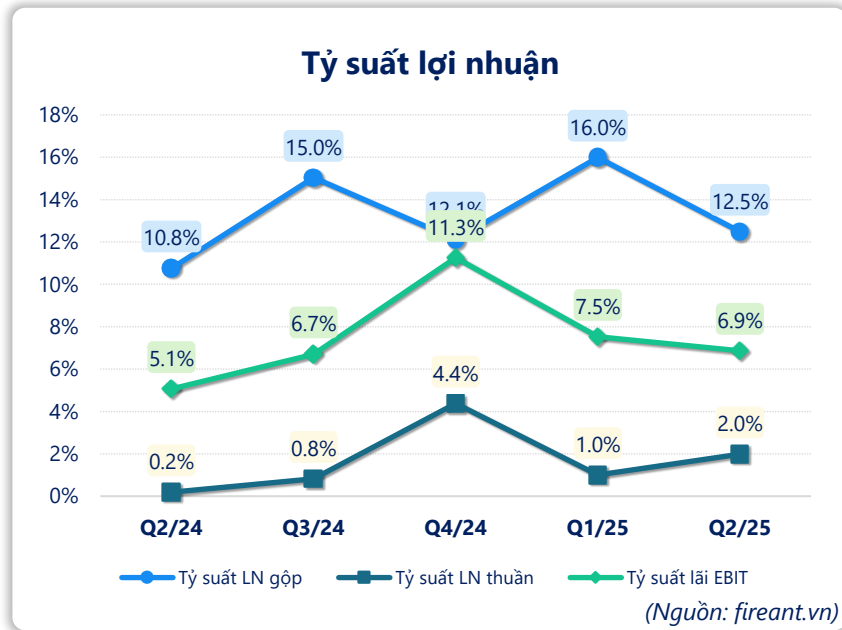
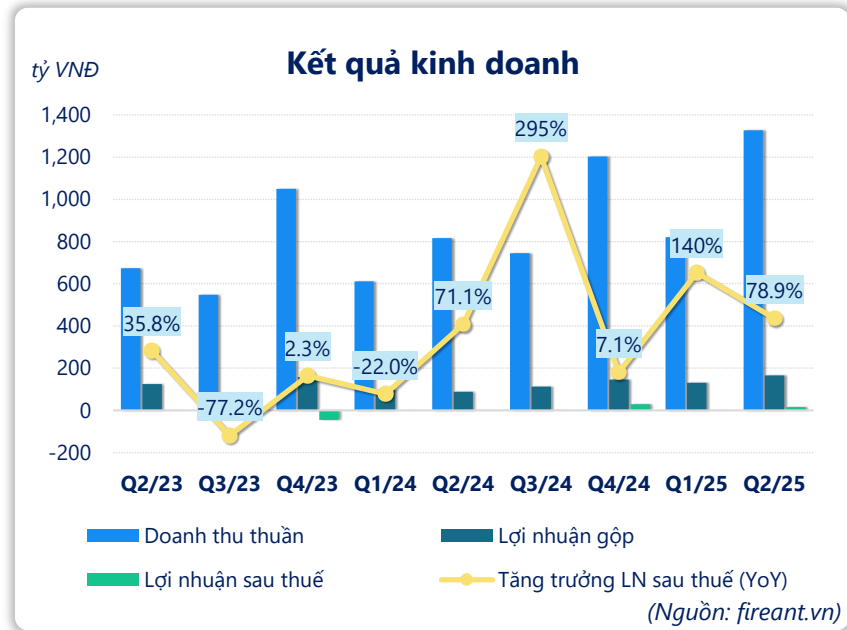


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,150
SL cổ phiếu LH		157,439,005
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,280,205
% sở hữu nước ngoài		32.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,173
P/E		107.3
EPS		129

	YTD	1T	3T	6T
FCN	-3.8%	-2.1%	-1.4%	1.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	11,003	9,706	13.4%
Tài sản ngắn hạn	7,423	6,370	16.5%
Tiền và tương đương tiền	662	473	40.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.3	28.1	-9.9%
Phải thu ngắn hạn	4,661	4,077	14.3%
Hàng tồn kho	1,915	1,683	13.8%
Tài sản ngắn hạn khác	159	109	46.4%
Tài sản dài hạn	3,581	3,336	7.3%
Phải thu dài hạn	46.8	121	-61.4%
Tài sản cố định	1,533	1,582	-3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,413	1,032	36.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	442	453	-2.3%
Tài sản dài hạn khác	112	111	1.2%
Lợi thế thương mại	34.5	38.1	-9.4%
Nợ phải trả	7,632	6,338	20.4%
Nợ ngắn hạn	5,496	4,809	14.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,914	2,381	22.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	949	809	17.3%
Nợ dài hạn	2,136	1,529	39.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,115	1,511	40.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,371	3,368	0.1%
Vốn chủ sở hữu	3,371	3,368	0.1%
Vốn điều lệ	1,574	1,574	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	816	744	1,203	821	1,326
Giá vốn hàng bán	728	632	1,057	689	1,161
Lợi nhuận gộp	87.8	112	146	131	166
Doanh thu HĐTC	7.14	5.95	63.5	5.84	7.13
Chi phí TC	36.6	55.2	91.9	67.7	81.3
Chi phí lãi vay	35.7	46.3	85.5	57.6	66.6
LN trong công ty LKLD	0.04	-0.06	4.29	0.00	0.00
Chi phí bán hàng	4.87	5.26	10.6	6.78	9.00
Chi phí QLDN	51.9	51.2	58.5	54.3	56.2
LN thuần từ HĐKD	1.54	6.12	52.6	8.23	26.3
Lợi nhuận khác	4.11	-2.53	-2.82	-4.02	-1.74
LN trước thuế	5.65	3.58	49.8	4.21	24.5
Lợi nhuận sau thuế	0.71	0.03	28.8	1.05	16.0
LNST của CĐ cty mẹ	11.6	7.15	-2.02	-6.57	21.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-160	-160	333	-163	-193
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.7	12.5	-956	-139	-415
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	118	37.7	839	108	991
Tiền đầu kỳ	389	370	254	473	279
Lưu chuyển tiền thuần	-22.8	-109	216	-194	383
Ảnh hưởng tỷ giá	3.00	-5.85	2.85	0.03	0.00
Tiền cuối kỳ	370	254	473	279	662

(Nguồn: fireant.vn)